



Tài chính

BẢN TIN TÀI CHÍNH - KINH DOANH

Tháng 2/2020

✓ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH MỚI:

- Tài chính nhà nước, thuế, hải quan
- Kế toán, kiểm toán
- Tài chính doanh nghiệp
- Tín dụng - ngân hàng - chứng khoán
- Bảo hiểm xã hội, tiền công, tiền lương

✓ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP CẦN QUAN TÂM

✓ THÔNG TIN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

4

CHÍNH SÁCH MỚI

Trích yếu nội dung chủ yếu của các chế độ, chính sách mới ban hành trong lĩnh vực tài chính

26

THÔNG TIN CẦN QUAN TÂM

Dịch vụ cung cấp hóa đơn điện tử không phải ngành nghề kinh doanh có điều kiện

12

HƯỚNG DẪN CHÍNH SÁCH

Những điều cần biết về hóa đơn điện tử

29

THÔNG TIN VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và tác động đối với kinh tế Việt Nam



Cùng bạn đọc!

Tạp chí Tài chính - Cơ quan thông tin của Bộ Tài chính xin gửi tới Quý công ty lời chào trân trọng!

Tạp chí Tài chính (tên giao dịch quốc tế Review of Finance) là cơ quan thông tin lý luận nghiệp vụ của Bộ Tài chính, với bề dày thương hiệu gần 60 năm phát triển, là tạp chí khoa học uy tín về lĩnh vực kinh tế - tài chính với các ấn phẩm như Tạp chí Tài chính, Đặc san đối ngoại Tài chính, Tạp chí điện tử tài chính (tapchitaichinh.vn). Các sản phẩm truyền thông của Tòa soạn có chất lượng, hỗ trợ đắc lực cho cộng đồng doanh nghiệp nhiều thông tin chính thống, chuyên sâu về tài chính - kinh doanh.

Trong xu thế hội nhập sâu rộng như hiện nay, nhu cầu tiếp cận thông tin của doanh nghiệp ngày càng trở nên cấp thiết, đóng vai trò quyết định đến sự phát triển của mỗi doanh nghiệp.

Nhằm thiết thực triển khai các nghị quyết của Chính phủ và tích cực thực hiện chương trình hành động của Bộ Tài chính về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng kịp thời, hiệu quả nhu cầu thông tin chính sách, pháp luật tài chính của cộng đồng doanh nghiệp, từ năm 2020, Tạp chí Tài chính tổ chức xuất bản **“Bản tin Tài chính – Kinh doanh”**.

Nội dung Bản tin gồm những thông tin sau:

- Cập nhật các quy định mới về cơ chế, chính sách thuế, kế toán - kiểm toán, tín dụng - ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội...
- Thông tin hỏi đáp, phân tích bình luận cơ chế, chính sách tài chính mới liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp...
- Thông tin về thực hiện các hiệp định thương mại tự do (FTA), hội nhập kinh tế quốc tế...

“Bản tin Tài chính – Kinh doanh” xuất bản hàng tháng dưới dạng PDF, phát hành trên mạng internet, dễ dàng tải về để sử dụng, rất thuận tiện cho tra cứu, lưu trữ.

Chúng tôi tin rằng, Bản tin này sẽ phục vụ hiệu quả cho công tác của phòng/ban tài chính – kế toán và sự lãnh đạo, điều hành của lãnh đạo doanh nghiệp.

Do lần đầu xuất bản, mặc dù đã rất cố gắng nhưng chắc chắn cũng không tránh khỏi những hạn chế, sơ suất, Tạp chí Tài chính mong nhận được sự tham gia góp ý của Quý đơn vị, doanh nghiệp để Ban biên tập tiếp tục hoàn thiện, ngày càng nâng cao chất lượng Bản tin.

Trân trọng cảm ơn và chúc Quý Công ty kinh doanh thành công!

TS. Phạm Thu Phong
Tổng biên tập Tạp chí Tài chính

CHÍNH SÁCH MỚI

TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 về giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Quyết định này quy định về giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/01/2020.

2. Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/03/2020

3. Quyết định số 91/QĐ-BTNMT ngày 13/01/2020 về Chương trình hành động của ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Quyết định này về Chương trình hành động của ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/01/2020.

4. Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13/01/2020 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về Quỹ bảo trì đường bộ

Nghị định này bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về Quỹ bảo trì đường bộ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2020.

5. Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 do Ủy ban Dân tộc ban hành.

Quyết định này về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/01/2020

6. Quyết định số 108/QĐ-BCT ngày 10/01/2020 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành.

Quyết định 108/QĐ-BCT về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2020.

7. Quyết định số 29/QĐ-BTC ngày 07/01/2020 công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Quyết định này công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07/01/2020.

8. Thông tư số 02/2020/TT-BTC ngày 06/01/2020 hướng dẫn về thực hiện việc sử dụng khoản kinh phí liên quan đến hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển do Bộ Giao thông vận tải quản lý kết hợp thu hồi sản phẩm do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư này hướng dẫn về thực hiện việc sử dụng khoản kinh phí liên quan đến hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 24/02/2020.

9. Thông tư số 03/2020/TT-BTC ngày 06/01/2020 bãi bỏ Thông tư 26/2013/TT-BTC quy định về thủ tục giải ngân và cơ chế tài chính đối với nguồn vốn tín dụng và viện trợ của Chính phủ Liên bang Nga cho Dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 26/2013/TT-BTC quy định về thủ tục giải ngân và cơ chế tài chính đối với nguồn vốn tín dụng và viện trợ của Chính phủ Liên bang Nga cho Dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2020.

10. Thông tư số 04/2020/TT-BTC ngày 06/01/2020 bãi bỏ Thông tư 132/2008/TT-BTC hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho chương trình tín dụng chuyên ngành của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản và Thông tư 05/2008/TT-BTC hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho Dự án Hỗ trợ và phát triển đào tạo đại học và sau đại học về công nghệ thông tin do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản tài trợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 132/2008/TT-BTC hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho chương trình tín dụng chuyên ngành của Cơ quan Hợp tác

Quốc tế Nhật Bản và Thông tư 05/2008/TT-BTC hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho Dự án Hỗ trợ và phát triển đào tạo đại học và sau đại học về công nghệ thông tin do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản tài trợ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2020.

11. Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 sửa đổi Điều 17 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Nghị định 06/2020/NĐ-CP sửa đổi Điều 17 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

12. Quyết định số 01/QĐ-BLĐTBXH ngày 02/01/2020 về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Quyết định số 01/QĐ-BLĐTBXH về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/01/2020

13. Nghị định 03/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 sửa đổi Điều 68 Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi tại Nghị định 169/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế.

Nghị định số 03/2020/NĐ-CP sửa đổi Điều 68 Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi tại Nghị định 169/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.

14. Nghị quyết số 01/NQ-CP 01/01/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu



thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 do Chính phủ ban hành.

Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.

15. Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg sửa đổi Quyết định 60/2015/QĐ-TTg về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg sửa đổi Quyết định 60/2015/QĐ-TTg về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2020.

16. Thông tư số 21/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 quy định về thuyết minh doanh thu dịch vụ viễn thông do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Thông tư này quy định về thuyết minh doanh thu dịch vụ viễn thông.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2020.

17. Thông tư số 35/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 quy định về hạch toán kế toán tài sản cố định, công cụ, dụng cụ và vật liệu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thông tư này quy định về hạch toán kế toán tài sản cố định, công cụ, dụng cụ và vật liệu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2020.

18. Quyết định số 04/2019/QĐ-KTNN ngày 31/12/2019 về hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định

trọng yếu trong kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách địa phương do Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành.

Quyết định này hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách địa phương.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/02/2020.

19. Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 quy định về mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

Thông tư này quy định về mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2020.

20. Quyết định 05/2019/QĐ-KTNN ngày 31/12/2019 về hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu đối với lĩnh vực kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách bộ, ngành do Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành.

Quyết định này hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu đối với lĩnh vực kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách bộ, ngành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/02/2020.

21. Thông tư số 13/2019/TT-BKHĐT ngày 31/12/2019 quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

Thông tư này quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2020.



22. Quyết định số 2468/QĐ-BHXH ngày 31/12/2019 về Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hằng năm và lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành.

Quyết định này quy định về Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hằng năm và lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.

3. Thông tư số 90/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2019 sửa đổi Thông tư 261/2016/TT-BTC quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư 17/2017/TT-BTC hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2020. Thông tư bãi bỏ khoản 4 Điều 3, điểm e khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 17 và Phụ lục danh mục khu vực hàng hải trong khu vực quản lý của cảng vụ hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.

4. Nghị quyết số 120/NQ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2019 về ký Thỏa thuận giữa Australia, Trung Hoa, Đại hàn Dân quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ và Việt Nam và Thỏa thuận trao đổi song phương giữa Đại hàn và Việt Nam về hạn ngạch thuế quan trong Tổ chức Thương mại thế giới đối với mặt hàng gạo.

Nghị quyết này có hiệu lực ngày 31/12/2019.

| THUẾ VỚI HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU

1. Thông tư số 01/2020/TT-BCT ngày 14/01/2020 quy định việc nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan năm 2020 do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

Thông tư quy định việc nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan năm 2020. Theo đó, lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu năm 2020 đối với lượng thuốc lá nguyên liệu (mã HS 2401) nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2020 là 59.098 tấn.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/02/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

| THUẾ, PHÍ

1. Nghị định số 07/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 5/1/2020 về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2019-2022.

Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/02/2020, Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2019 - 2022 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

2. Thông tư số 01/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 3/1/2020 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm .

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức kinh doanh bảo hiểm đã được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 20/02/2020 và áp dụng từ năm tài chính 2020.



2. Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 27/12/2019 sửa đổi Thông tư 261/2016/TT-BTC quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư 17/2017/TT-BTC hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2020.

3. Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 quy định về lưu mẫu giống cây trồng; kiểm định ruộng giống, lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng; kiểm tra nhà nước về chất lượng giống cây trồng nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành

Thông tư này quy định việc lưu mẫu giống cây trồng khi đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành, đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng; kiểm định ruộng giống, lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng; kiểm tra nhà nước về chất lượng vật liệu nhân giống cây trồng nhập khẩu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2020.

| KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

1. Thông tư số 35/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 quy định về hạch toán kế toán tài sản cố định, công cụ, dụng cụ và vật liệu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 31/12/2019.

Thông tư này quy định hạch toán kế toán tài sản cố định, công cụ, dụng cụ và vật liệu tại các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Việc hạch toán quá trình hình thành tài sản đối với công trình đầu tư xây dựng cơ bản và các dự án viện trợ không hoàn lại (trong quá trình thực hiện dự án) thuộc hệ thống NHNN không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2020.

2. Quyết định 04/2019/QĐ-KTNN về hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách địa phương do Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành ngày 31/12/2019.

Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách địa phương.

Quyết định này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

3. Quyết định 05/2019/QĐ-KTNN về hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu đối với lĩnh vực kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách bộ, ngành do Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu đối với lĩnh vực kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách bộ, ngành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

| TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Chỉ thị số 1/CT-TTg ngày 14/01/2020 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành

Tại Chỉ thị số 1/CT-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các giải pháp cải cách các quy



định; đơn giản hóa thủ tục quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để tăng cường đầu tư cho ứng dụng và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

2. Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 về phê duyệt Đề án Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh hiện do công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng do Thủ tướng Chính phủ ban hành

Mục tiêu tổng quát của Đề án: Tăng cường hiệu lực quản lý, hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng, các tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân sử dụng có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh (nông, lâm trường).

Quyết định số 32/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành (ngày 07/01/2020).

3. Quyết định số 1124/QĐ-BXD ngày 31/12/2019 về Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2020 của Bộ Xây dựng.

Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2020 của Bộ Xây dựng”. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/12/2019.

4. Quyết định số 2510/QĐ-BGTVT 30/12/2019 về Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2020 của Bộ Giao thông Vận tải

Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành (ngày 30/12/2019).

| TÍN DỤNG - NGÂN HÀNG – CHỨNG KHOÁN

1. Quyết định số 2/2020/QĐ-TTg ngày 10/1/2020 sửa đổi Quyết định 29/2014/QĐ-TTg về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm hiv, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2020.

2. Thông tư số 03/2020/TT-BTC ngày 6/01/2020 bãi bỏ Thông tư 26/2013/TT-BTC quy định về thủ tục giải ngân và cơ chế tài chính đối với nguồn vốn tín dụng và viện trợ của Chính phủ Liên bang Nga cho Dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư quy định việc bãi bỏ thông tư số 26/2013/TT-BTC ngày 11/ 3/2013 của Bộ Tài chính quy định thủ tục giải ngân và cơ chế tài chính đối với nguồn vốn tín dụng và viện trợ của chính phủ Liên bang Nga cho dự án nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2020.

3. Nghị quyết số 02/NQ-CP ban hành ngày 01/01/2020 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 do Chính phủ ban hành.

Nghị quyết này quy định về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.



4. Thông tư 36/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 quy định về quản lý và sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia áp dụng đối với đối tượng là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước); Tổ chức tín dụng và các tổ chức khác liên quan đến sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/02/2020.

5. Thông tư số 34/2019/TT-NHNN ban hành ngày 31/12/2019 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với nguồn vốn ngoại tệ của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Thông tư này hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với các nguồn vốn ngoại tệ của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ. Đối tượng áp dụng là: Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô; Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động huy động vốn bằng ngoại tệ của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/02/2020.

6. Thông tư số 32/2019/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 19/2013/TT-NHNN quy định về mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ban hành ngày 31/12/2019.

Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 19/2013/TT-NHNN).

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/02/2020.

7. Thông tư số 37/2019/TT-NHNN hướng dẫn về hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 31/12/2019.

Thông tư này hướng dẫn hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp bảo hiểm). Đối tượng áp dụng là: Tổ chức tín dụng (trừ ngân hàng chính sách), chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức tín dụng); Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/03/2020.

8. Thông tư số 33/2019/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 34/2013/TT-NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 31/12/2019.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/02/2020.

9. Thông tư số 31/2019/TT-NHNN quy định về hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/12/2019.

Thông tư này quy định về các tài khoản kế toán cấp 2, cấp 3; phương pháp hạch toán trên các tài khoản thuộc hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho các tổ chức tài chính vi mô. Đối tượng áp dụng là Đối tượng áp dụng của Thông tư này là các tổ chức tài chính vi mô (sau đây gọi tắt là TCTCVM) được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2020.



I BẢO HIỂM XÃ HỘI, TIỀN CÔNG, TIỀN LƯƠNG

- 1. Công điện số 119/CĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý.**

Công điện có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- 2. Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/2/2020.

- 3. Quyết định số 1939/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án: “Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 ngành Bảo hiểm và các dịch vụ công trên cơ sở kết nối chia sẻ dữ liệu giữa Bảo hiểm Xã hội Việt Nam với các ngành liên quan”.**

Quyết định này quy định 2 nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 ngành bảo hiểm và các dịch vụ công trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Bảo hiểm Xã hội Việt Nam với các ngành liên quan. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- 4. Quyết định số 2474/QĐ-BHXH ngày 31/12/2019 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành Quy định về quy trình biên tập, đăng tin, gỡ tin trên Cổng Thông tin điện tử Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, trang/Cổng thông tin điện tử Bảo hiểm Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 229/QĐ-BHXH ngày 13/02/2019 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về Quy trình biên tập, đăng tin, gỡ tin trên Trang/Cổng Thông tin điện tử Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- 5. Quyết định số 2468/QĐ-BHXH ngày 31/12/2019 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hàng năm và lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm.**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020. Quyết định này thay thế Quyết định số 3588/QĐ-BHXH ngày 21/12/2016 về Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán thu, chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và Công văn số 4985/BHXH-KHĐT ngày 7/11/2017 về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm.

- 6. Công văn số 4811/BHXH-CNTT của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ngày 24/12/2019 về việc tạo lập giấy ra viện và giấy chứng sinh trên Cổng tiếp nhận gửi Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

Công văn nêu rõ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã bổ sung chức năng cho phép các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tạo lập giấy ra viện và giấy chứng sinh theo quy định tại Thông tư 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế trên Cổng tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế tại địa chỉ <https://gdbhyt.baohiemxahoi.gov.vn> (Cổng tiếp nhận).

- 7. Công văn số 4733/BHXH-CSXH ngày 18/12/2019 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc chấn chỉnh và hướng dẫn xử lý một số tồn tại trong công tác tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp gửi Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.**

Công văn nêu rõ về công tác thu cấp sổ bảo hiểm xã hội; giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội; công tác chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội; quản lý chữ ký số và bảo đảm tính chính xác của chữ ký số trên chứng từ BHXH điện tử...



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ



Thông tư số 68/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 30/09/2019 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP về hóa đơn điện tử và có hiệu lực thi hành từ ngày 14/11/2019. Đây là căn cứ pháp luật quan trọng để việc triển khai và sử dụng hóa đơn điện tử diễn được diễn ra nhanh chóng, thuận lợi.

Ban biên tập giới thiệu những nội dung cơ bản, quan trọng của Thông tư số 68/2019/TT-BTC dưới dạng đồ họa để bạn đọc dễ hình dung và thực hiện. Trong số này là **Phần 1 - những nội dung cơ bản của Thông tư 68/2019/TT-BTC.**

Bạn đọc có thể tìm kiếm thêm thông tin tại www.tapchitaichinh.vn.





1. Nội dung của hóa đơn điện tử

- a) Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, số hóa đơn;
- b) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán;
- c) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua (nếu người mua có mã số thuế);
- d) Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng trong trường hợp là hóa đơn giá trị gia tăng;
- đ) Tổng số tiền thanh toán;
- e) Chữ ký số, chữ ký điện tử của người bán;
- g) Chữ ký số, chữ ký điện tử của người mua (nếu có);
- h) Thời điểm lập hóa đơn điện tử;
- i) Mã của cơ quan thuế đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế;
- k) Phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và nội dung khác liên quan (nếu có).





a) Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, số hóa đơn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: 1C21TAA Số: 123
02 tháng 01 năm 2021		
Tên người bán: CÔNG TY TNHH		
Mã số thuế:		
Địa chỉ: 45		
Điện thoại:		
Họ tên người bán:		
Tên người mua:		
Mã số thuế người mua:		
Địa chỉ người mua:		
Hình thức thanh toán:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính
1		7=5x6
Cộng tiền hàng:		
Tổng tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất:		
Tổng số tiền thanh toán		
Số tiền viết bằng chữ:		
Người mua hàng (Chữ ký số (nếu có))		Người bán hàng (chữ ký số)

Tên hóa đơn: HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG, HÓA ĐƠN BÁN HÀNG, PHIẾU XUẤT KHO KIỂM VẬN CHUYÊN ĐIỆN TỬ, TEM, VÉ, THẺ...





a) Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, số hóa đơn

- Số 1: HĐ GTGT.
- Số 2: HĐ bán hàng.
- Số 3: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử.
- Số 4: HĐ khác là tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử...

Tên người mua:
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Hình thức thanh toán:

STT Tên hàng hóa

1

C: HĐĐT có mã của CQT
K: HĐĐT không có mã của CQT.

- + Chữ T: HĐĐT do các DN, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với CQT.
- + Chữ D: HĐĐT đặc thù
- + Chữ L: HĐĐT của CQT cấp theo từng lần phát sinh.
- + Chữ M: HĐĐT được khởi tạo từ máy tính tiền.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C21TAA
Số: 123

Năm lập HĐĐT xác định theo 2 chữ số cuối của năm dương lịch

Tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý, trường hợp không có nhu cầu quản lý thì để là YY

(chữ ký số)





a) Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, số hóa đơn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG						
Ngày 02 tháng 01 năm 2021					Ký hiệu: 1C21TAA Số: 123	
Tên người bán: CÔNG TY TNHH A						
Mã số thuế:						
Địa chỉ: 45 phố X, quận Y, thành phố Hà Nội						
Điện thoại:						
Họ tên người mua hàng:						
Tên người mua:						
Mã số thuế:						
Địa chỉ:						
Hình thức thanh toán: Số tài khoản:						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Thuế suất	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7=5x6
Cộng tiền hàng:						
Tổng tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất:						
Tổng số tiền thanh toán						
Số tiền viết bằng chữ:						
Người mua hàng (Chữ ký số (nếu có))				Người bán hàng (chữ ký số)		

Tối đa 8 chữ số





- NM không có MST: không phải thể hiện MST người mua.
- Bán HH, DV đặc thù bán cho người tiêu dùng là cá nhân theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 TT68: không phải thể hiện tên, địa chỉ người mua.
- Khách hàng nước ngoài đến Việt Nam: địa chỉ có thể được thay bằng thông tin về sổ hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch.



c) Chữ ký số, chữ ký điện tử của người mua

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG	
Ký hiệu: 1C21TAA Số: 123	
Ngày 02 tháng 01 năm 2021	
Tên người bán: CÔNG TY TNHH ABC	
Mã số thuế:	
Địa chỉ: 45 phố X, quận Y, TP. HCM	
Điện thoại:	
Họ tên người mua hàng:	
Tên người mua:	
Mã số thuế:	
Địa chỉ:	
Hình thức thanh toán:	
STT	Tên hàng hóa
1	
Cộng tiền hàng:	
Tổng tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất:	
Tổng số tiền thanh toán	
Số tiền viết bằng chữ:	
Người mua hàng (Chữ ký số (nếu có))	Người bán hàng (chữ ký số)



d) Thời điểm lập hóa đơn điện tử;

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG	
Ký hiệu: 1C21TAA Số: 123	
Ngày 02 tháng 01 năm 2021	
Tên người bán: CÔNG TY TNHH A	
Mã số thuế:	
Địa chỉ: 45 phố X, quận Y, thành phố Hà Nội	
Điện thoại: Số tài khoản	
Họ tên người mua hàng:	
Tên người mua:	
Mã số thuế:	
Địa chỉ:	
Hình thức thanh toán:	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ
1	2
Cộng tiền hàng:	
Tổng tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất:	
Tổng số tiền thanh toán	
Số tiền viết bằng chữ:	
Người mua hàng (Chữ ký số (nếu có))	Người bán hàng (chữ ký số)

Thời điểm lập HĐĐT: xác định theo thời điểm người bán ký số, ký điện tử trên HĐ được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm và phù hợp với hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư 68





2. Một số trường hợp hóa đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung

Trên HĐĐT không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người mua (bao gồm cả trường hợp lập HĐĐT khi bán HH, cung cấp DV cho khách hàng ở nước ngoài)

HĐĐT bán hàng tại siêu thị, trung tâm thương mại mà người mua là cá nhân không kinh doanh thì trên HĐ không nhất thiết phải có tên, địa chỉ, MST người mua

HĐĐT đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh thì không nhất thiết phải có các chỉ tiêu tên HĐ, ký hiệu mẫu số HĐ, số HĐ; tên, địa chỉ, MST của người mua, chữ ký điện tử của người mua; chữ ký số, chữ ký điện tử của người bán, thuế suất thuế GTGT

HĐĐT là tem, vé, thẻ thì trên HĐ không nhất thiết phải có chữ ký điện tử, chữ ký số của người bán (trừ trường hợp tem, vé, thẻ là HĐĐT do CQT cấp mã), tiêu thức người mua (tên, địa chỉ, MST), tiền thuế, thuế suất thuế GTGT. Trường hợp tem, vé, thẻ điện tử có sẵn mệnh giá thì không nhất thiết phải có tiêu thức đơn vị tính, số lượng, đơn giá.





2. Một số trường hợp hóa đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung

Chứng từ điện tử DV vận tải hàng không được xuất qua website và hệ thống thương mại điện tử được lập theo thông lệ quốc tế cho người mua là cá nhân không kinh doanh được xác định là HĐĐT thì trên HĐ không nhất thiết phải có ký hiệu HĐ, ký hiệu mẫu HĐ, số thứ tự HĐ, thuế suất thuế GTGT, MST, địa chỉ người mua, chữ ký số, chữ ký điện tử người bán

HĐ của hoạt động xây dựng, lắp đặt; hoạt động xây nhà để bán có thu tiền theo tiến độ theo hợp đồng thì trên HĐ không nhất thiết phải có đơn vị tính, số lượng, đơn giá.

Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử thì trên Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử không thể hiện các tiêu thức người mua mà thể hiện tên người vận chuyển, phương tiện vận chuyển, địa chỉ kho xuất hàng, địa chỉ kho nhập hàng; không thể hiện tiền thuế, thuế suất, tổng số tiền thanh toán

HĐ sử dụng cho thanh toán Interline giữa các hãng hàng không được lập theo quy định của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế thì trên HĐ không nhất thiết phải có các chỉ tiêu: ký hiệu HĐ, ký hiệu mẫu HĐ, tên địa chỉ, MST của người mua, chữ ký điện tử của người mua, đơn vị tính, số lượng, đơn giá





3. Định dạng hóa đơn điện tử



HĐĐT phải được hiển thị **đầy đủ, chính xác** các nội dung của hóa đơn đảm bảo **không dẫn tới cách hiểu sai lệch** để người mua **có thể đọc được bằng phương tiện điện tử**.





4. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

HĐĐT có mã của CQT

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

HĐĐT không mã của CQT

2. DNKD ở các lĩnh vực: điện lực; xăng dầu; bưu chính viễn thông; vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy; nước sạch; TCTD; bảo hiểm; y tế; kinh doanh TMĐT; kinh doanh siêu thị; thương mại và các DN, TCKT đã hoặc sẽ thực hiện giao dịch với CQT bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập HĐĐT đáp ứng lập, tra cứu HĐĐT, lưu trữ dữ liệu HĐĐT theo quy định và đảm bảo việc truyền dữ liệu HĐĐT đến người mua và đến CQT. Khi bán HH, DV người bán phải lập HĐ không phân biệt giá trị từng lần.

Lĩnh vực nêu trên được xác định theo ngành KT cấp 4 theo QĐ 27/2018/QĐ-TTg.





4. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

**Hóa đơn
điện tử
có mã
của CQT**

3. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc trường hợp **rủi ro cao về thuế** khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

4. Hộ, CNKD thực hiện sổ sách kế toán:

- ✓ sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên
- ✓ có doanh thu năm trước liền kề từ 03 tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng
- ✓ Hoặc có doanh thu năm trước liền kề từ 10 tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ khi bán hàng hóa, CCDV, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, CCDV.

Hộ, CNKD không thuộc diện bắt buộc nhưng có thực hiện sổ sách kế toán, có yêu cầu thì cũng được áp dụng HĐĐT có mã của CQT theo QĐ.





4. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

HĐĐT có mã của CQT được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển DL điện tử với CQT

5. Hộ, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, bán lẻ thuốc tân dược, bán lẻ hàng tiêu dùng, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng tại một số địa bàn có điều kiện thuận lợi thì triển khai thí điểm HĐĐT có mã của CQT được khởi tạo từ máy tính tiền từ năm 2018 (Trên cơ sở kết quả triển khai thí điểm sẽ triển khai trên toàn quốc)

CQT cấp HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh

6. Hộ, cá nhân kinh doanh **không** đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế tại **mục 4** nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hàng hoặc trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác được cơ quan thuế chấp nhận cấp hóa đơn điện tử để giao cho khách hàng



THÔNG TIN CẦN QUAN TÂM

DỊCH VỤ CUNG CẤP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ KHÔNG PHẢI NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (HĐĐT) phải đáp ứng khá tiêu chí theo Thông tư số 68/2019/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành. Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Hữu Tân, Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách Tổng cục Thuế, đây chỉ là tiêu chuẩn, quy chuẩn trong việc cung cấp dịch vụ HĐĐT, chứ không phải là điều kiện kinh doanh.

Bạn đọc có thể tìm kiếm thêm thông tin tại www.tapchitaichinh.vn.



Liên quan đến HĐĐT, được biết, Thông tư số 68/2019/TT-BTC đã quy định cụ thể hơn đối với những trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT có mã và không có mã của cơ quan thuế. Vậy ông có thể nói rõ hơn về những điểm mới này?

Mặc dù Nghị định số 119/2018/NĐ-CP đã quy định 4 trường hợp buộc phải ngừng sử dụng HĐĐT có mã xác thực (bao gồm DN, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh chấm dứt hiệu lực mã số thuế; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; tạm ngừng kinh doanh; bị cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn) nhưng vẫn còn những trường hợp khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Để làm rõ thêm 3 trường hợp khác, Thông tư số 68/2019/TT-BTC đã bổ sung các đối tượng sử dụng HĐĐT để bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; trường hợp sử dụng hóa đơn phục vụ mục đích bán khống hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo sẽ ngay lập tức bị cơ quan thuế ngừng cung cấp HĐĐT có mã xác thực.

Ngoài ra, còn có các trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu DN tạm ngừng kinh doanh, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề có điều kiện mà không đáp ứng đủ điều kiện; DN thành lập nhằm mục đích mua bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn nếu bị phát hiện, cũng sẽ bị cơ quan thuế chấm dứt việc sử dụng hóa đơn có mã xác thực.

Các trường hợp buộc phải ngừng sử dụng hóa đơn nêu trên đều là vi phạm pháp luật, bị xử lý vi phạm hành chính, thậm chí bị truy tố. Việc buộc phải ngừng sử dụng hóa đơn chỉ là một trong các biện pháp nhằm tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, ngăn ngừa gian lận thuế, chống thất thu ngân sách.



Tuy nhiên, DN, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ cá nhân kinh doanh thuộc các trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn sẽ được tiếp tục sử dụng HĐĐT có mã, hoặc không có mã sau khi thông báo với cơ quan thuế về việc tiếp tục kinh doanh, hoặc được khôi phục mã số thuế, được bãi bỏ quyết định cưỡng chế thuế.

Đối với trường hợp tạm ngừng kinh doanh, cần có HĐĐT giao cho người mua để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày có thông báo tạm ngừng kinh doanh, thì cần có văn bản thông báo với cơ quan thuế được tiếp tục sử dụng HĐĐT có mã theo từng lần phát sinh.

Dịch vụ cung cấp HĐĐT không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư. Vậy tại sao quy định về HĐĐT lại đặt ra điều kiện đối với dịch vụ này?

Khi xây dựng Nghị định 119/2018/NĐ-CP và Thông tư 68/2019/TT-BTC nội dung này đã được thảo luận rất nhiều. Tiếp thu các ý kiến góp ý, Thông tư 68/2019/TT-BTC đã quy định DN tham gia cung cấp dịch vụ HĐĐT phải có tối thiểu 5 năm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin; đã triển khai hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin cho tối thiểu 10 tổ chức; có cam kết bảo lãnh của tổ chức tín dụng với giá trị trên 5 tỷ đồng để giải quyết các rủi ro và bồi thường thiệt hại có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ; có tối thiểu 20 nhân viên kỹ thuật trình độ đại học chuyên ngành về công nghệ thông tin...

Việc đưa ra các tiêu chuẩn này là do HĐĐT là dịch vụ công, mà để cung cấp dịch vụ công DN phải đáp ứng các tiêu chuẩn điều kiện nhất định. Do đó, để cung cấp dịch vụ HĐĐT, DN cần ký hợp đồng với Tổng cục Thuế, tức là Tổng cục Thuế đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu đối tác về các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể để bảo đảm hợp đồng cung cấp dịch vụ công được thực hiện tốt nhất.

Lộ trình chuyển đổi sang HĐĐT đang bước vào giai đoạn “nước rút” nhất là tại các TP lớn như Hà Nội và TP HCM. Vậy ông có thể cho biết, việc chuyển tiếp HĐĐT như thế nào để hợp pháp và không làm gián đoạn công việc kinh doanh của DN?

Mặc dù Thông tư 68/2019/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 14/11/2019 nhưng hiện nay các văn bản của Bộ Tài chính như thông tư hướng dẫn về hóa đơn tự in, đặt in, hóa đơn mua của cơ quan thuế và quyết định về việc thí điểm sử dụng HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế (Thông tư 32/2011/TT-BTC; Thông tư 191/2010/TT-BTC; Thông tư số 39/2014/TT-BTC; Quyết định 1209/QĐ-BTC, Quyết định 526/QĐ-BTC) vẫn có hiệu lực thi hành.

Chỉ từ 1/11/2020, khi các thông tư, quyết định này sẽ hết hiệu lực, thì các DN, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh mới bắt buộc phải thực hiện đăng ký áp dụng HĐĐT theo hướng dẫn tại Thông tư 68/2019/TT-BTC.

Trong thời gian từ ngày 1/11/2018 đến ngày 31/10/2020, cơ quan thuế đã thông báo với cơ sở kinh doanh chuyển đổi để áp dụng HĐĐT theo Nghị định 119/2018/NĐ-CP và Thông tư 68/2019/TT-BTC, nếu cơ sở kinh doanh chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng CNTT mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo các hình thức nêu trên, thì thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo mẫu số 03 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 119/2018/NĐ-CP cùng với việc nộp tờ khai thuế GTGT.

Đối với tổ chức sự nghiệp công lập (các cơ sở giáo dục, y tế công lập) đã sử dụng phiếu thu tiền thì tiếp tục sử dụng. Trường hợp cơ quan thuế thông báo chuyển đổi để áp dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế, nhưng chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng CNTT mà tiếp tục sử dụng hóa đơn kèm phiếu thu tiền theo quy định tại các Nghị định 51/2010/NĐ-CP và Nghị định 04/2014 thì thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn cho cơ quan thuế theo mẫu 03, cùng với nộp tờ khai thuế GTGT. Nếu đáp ứng đủ điều kiện về hạ tầng CNTT, thì tổ chức sự nghiệp công lập đăng ký sử dụng HĐĐT có mã, hoặc không mã của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 8 và Điều 13 của Thông tư 68/2019/TT-BTC./.

**Theo Trung Kiên
Tạp chí Thuế Nhà nước**



THÔNG TIN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ



THỰC THI CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI

Trong chuyên mục Thông tin hội nhập kinh tế quốc tế, Ban biên tập tập hợp các bài viết của chuyên gia liên quan đến việc Việt Nam triển khai và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA).

Bạn đọc có thể tìm kiếm thêm thông tin tại [www. tapchitaichinh.vn](http://www.tapchitaichinh.vn).



Làm thế nào để vượt qua rào cản thương mại trong các FTA thế hệ mới?

Cùng với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam tham gia vào các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới ngày càng nhiều. Bên cạnh những thời cơ lớn, Việt Nam cũng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức là các rào cản thương mại đặt ra từ các FTA thế hệ mới, đòi hỏi cần nhận diện rõ để có giải pháp vượt qua...

Thách thức từ các rào cản thương mại

Trong các FTA thế hệ mới, có nhiều thiết chế đặt ra đối với các nước tham gia, đòi hỏi Việt Nam phải thực thi. Các cam kết trong các FTA thế hệ mới chủ yếu đòi hỏi các nước thành viên phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung pháp luật nội địa trong những lĩnh vực liên quan cho phù hợp với cam kết chung, đồng thời phải nâng cao năng lực cạnh tranh không chỉ về năng lực mà cả về nguồn lực thực thi. Thực tế, khó khăn trong sửa đổi, điều chỉnh các thiết chế đang tồn tại theo các yêu cầu mới về thủ tục, trình tự trong các cam kết của các FTA thế hệ mới. Bên cạnh các cam kết mang tính truyền thống, còn có những cam kết mang tính quy tắc, có ý nghĩa ràng buộc cách hành xử chính sách của các bên là rất lớn, trải rộng trên nhiều lĩnh vực liên quan tới thương mại, kinh doanh. Phần lớn các cam kết này đều phải thực hiện ngay khi FTA có hiệu lực hoặc trong một thời hạn ngắn sau đó. Ngoài ra, việc thiết lập cơ chế bảo đảm thực hiện đồng bộ các nghĩa vụ cụ thể theo cam kết trong các FTA thế hệ mới đối với Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn.

Sau 15 năm thi hành Luật Thương mại và thực tiễn trong quá trình hội nhập cho thấy, chính sách thương mại của Việt Nam đã xuất hiện nhiều bất cập, trở thành rào cản trong việc tham gia các FTA thế hệ mới. Các vấn đề vướng



mắc nổi bật như: Thương nhân và hiện diện của thương nhân; Hoạt động thương mại hàng hóa và các hàng rào kỹ thuật.

Cụ thể: Theo Khoản 1 Điều 6 Luật Thương mại năm 2005 của Việt Nam, khái niệm thương nhân không bao quát được nhiều hoạt động ở khu vực “phi chính thức” cũng nhằm mục đích sinh lợi nhưng hoạt động thường xuyên. Yêu cầu thương nhân phải “có đăng ký” kinh doanh cũng không hợp lý, bởi quy định này đang bỏ sót các chủ thể hoạt động thương mại nhưng không



đăng ký. So sánh với khái niệm thương nhân của các nước khác như Pháp, Mỹ thì khái niệm về thương nhân trong Luật Thương mại của Việt Nam đang nói về yếu tố hình thức nhiều hơn nội dung hoạt động và tôn chỉ của thương nhân.

Quy định về sự hiện diện của thương nhân tại Việt Nam được quy định ở Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam cũng không còn phù hợp. Quy định này cho phép thương nhân nước ngoài được thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại Việt Nam theo cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việc dẫn chiếu quyền thành lập hiện diện thương mại sang điều ước quốc tế là không khả thi, bởi theo Luật Điều ước quốc tế, cam kết quốc tế lại không có giá trị áp dụng trực tiếp.

Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế cũng có nhiều bất cập gây cản trở, cụ thể như: Quy định về thời điểm chuyển rủi ro (từ Điều 57 đến Điều 61 Luật Thương mại): Cho phép xác định thời điểm rủi ro được chuyển sang người mua trở nên dễ dàng hơn. Tuy nhiên, dưới góc độ thực tiễn thì quy định này chưa thực sự phù hợp. Vì rủi ro có thể phát sinh kể từ thời điểm hàng hóa không còn nằm trong tầm kiểm soát của người bán, tức là thời điểm hàng hóa được người bán giao cho người vận chuyển và rất có thể hàng hóa bị hư hỏng trước thời điểm ký kết hợp đồng. Ngoài ra, còn có quy định về thời điểm chuyển quyền sở hữu hàng hóa (Điều 62 Luật Thương mại): Quyền sở hữu hàng hóa được chuyển từ bên bán sang bên mua kể từ thời điểm hàng hóa được chuyển giao, có thể hiểu rằng khi hàng xuống cảng thì mặc nhiên coi là chuyển quyền sở hữu cho người mua hàng, đây là điều cực kỳ bất lợi cho bên mua và không phù hợp với thông lệ quốc tế. Thông lệ quốc tế quy định chuyển quyền sở hữu cho người mua kể từ khi người này nhận được các chứng từ định đoạt về hàng hóa.

Đặc biệt là thực thi các Hiệp định CPTPP và EVFTA góp phần gỡ bỏ rào cản thuế quan giữa nước ta với các quốc gia thành viên EU và 10 nước cộng đồng kinh tế CPTPP, trong đó có những thị trường nhượng quyền trọng

điểm như Canada, Australia, Nhật Bản. Tuy nhiên, Luật Thương mại 2005 hiện chưa đáp ứng với những thay đổi này, khi hiện nay hai khái niệm là “nhượng quyền thương mại” và “quyền thương mại” chưa được quy định đầy đủ và trong một vài trường hợp còn quy định không thống nhất giữa các văn bản

Giải pháp vượt qua

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu của kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế và kết trong các FTA thế hệ mới với tinh thần đổi mới toàn diện, đồng bộ cả về kinh tế và chính trị. Đặc biệt, cần nhanh chóng rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện khung khổ pháp lý cho phù hợp với điều kiện áp dụng hiện hành, cũng như chưa tương thích với các cam kết trong FTA thế hệ mới. Theo đó, Việt Nam cần nghiên cứu, rà soát kỹ các yêu cầu trong các FTA thế hệ mới, để thiết lập danh mục các vấn đề về mặt thiết chế cần được xử lý... Đặc biệt, cần rà soát sửa đổi, hoàn thiện Luật Thương mại cho phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của các FTA thế hệ mới.

Thứ hai, cần thiết lập cơ chế chung, thống nhất như: Rà soát hệ thống pháp luật, để điều chỉnh đồng bộ pháp luật, kiểm soát tiến độ, hiệu quả điều chỉnh pháp luật theo cam kết... Cách thức vận hành của thiết chế này cũng cần được thiết kế phù hợp để đảm bảo khả năng chỉ đạo thống nhất việc thực thi trên thực tế.

Thứ ba, tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin thông qua nhiều hình thức về các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đang tham gia, đặc biệt là DN nhỏ và vừa; Tổ chức tập huấn cho các cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước các cấp và cộng đồng DN về các cam kết cụ thể có liên quan, bảo đảm hiểu rõ, hiểu đúng, từ đó thực thi các hiệp định FTA thế hệ mới đầy đủ, hiệu quả.

Thứ tư, hoàn thiện các chính sách đầu tư nhằm phát triển thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa; Tăng cường đầu tư và hoàn thiện các chính sách nhằm đẩy mạnh và đổi mới công tác xúc tiến thương mại và đầu tư.



Thách thức đặt ra đối với lĩnh vực lao động trong môi trường FTA?

Tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới sẽ mang lại cho các doanh nghiệp Việt Nam những cơ hội mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, cắt giảm thuế quan... tạo lợi thế cạnh tranh. Tuy nhiên, kéo theo đó là những khó khăn, thách thức trong thực thi các quy định về lao động.

Thách thức trong lĩnh vực lao động

Tham gia các FTA thế hệ mới, các nước thành viên phải cam kết tuân theo những tiêu chuẩn, quy định về lao động và thừa nhận mối liên hệ giữa quyền của người lao động (NLĐ) với thương mại; quyền tự do liên kết và quyền thương lượng tập thể của NLĐ và người sử dụng lao động; xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc; cấm sử dụng lao động trẻ em; xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp...

Hiện nay, lao động Việt Nam phải đối diện với không ít bất lợi do mở cửa thị trường, đặc biệt là hàng nhập khẩu, với nhiều ưu thế về chất lượng, giá cả và tâm lý thích dùng hàng ngoại của người Việt, sẽ dễ bị hàng ngoại chiếm lĩnh thị trường nội địa, làm cho DN trong nước gặp khó khăn về mọi mặt, buộc phải thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp, thu hẹp sản xuất, lao động bị mất việc làm...

Hiện nay, các vi phạm của DN về lao động vẫn diễn ra thường xuyên, ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực; Thời gian làm việc, đặc biệt là vấn đề tăng ca quá mức tại các DN dệt may, trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn diễn ra. Việc bảo đảm an toàn vệ sinh lao động tại nhiều DN chưa tốt; các chế tài xử phạt đối với các DN vi phạm về lao động, môi trường của Nhà nước chưa đủ sức răn đe.

Mặt khác, do nhận thức về các quy định của pháp luật còn hạn chế, họ

không biết hoặc không nắm đầy đủ các quyền của mình về lao động, không thể đề xuất, kiến nghị với người sử dụng lao động để đảm bảo quyền lợi cho mình. Tại nhiều DN, NLĐ mặc dù biết các quy định của pháp luật nhưng lại đồng ý thỏa thuận với người sử dụng lao động và tự nguyện làm thêm giờ vượt quá khả năng tái tạo sức lao động, để có thêm thu nhập và có nhiều cơ hội được làm việc tại DN...

Để vượt qua các rào cản về lĩnh vực lao động

Để vượt qua các rào cản đặt ra đối với lĩnh vực lao động trong môi trường thực thi các FTA thế hệ mới, các DN cần quan tâm đến một số giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế đối với tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại DN; Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm điều chỉnh các quan hệ lao động, tiêu chuẩn lao động phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết, công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Thứ hai, DN cần thay đổi tư duy, phải tuân thủ pháp luật để tránh bị điều tra, bị kiện, bị xử phạt, đầu tư nâng cao các yêu cầu về an toàn lao động, tiền lương, vệ sinh lao động, cùng với cơ chế giám sát và chế tài khác. DN phải nhận thức người lao động là "tài sản, nguồn lực vô giá", thực hiện đúng các quy định, bảo đảm cuộc sống cho NLĐ để họ tin tưởng, cống hiến, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, có thu nhập ổn định, gắn bó với doanh nghiệp, giúp DN phát triển bền vững.

Thứ ba, cần nâng cao vai trò của tổ chức đoàn thể trong lĩnh vực lao động và trong đời sống xã hội; Tổ chức công đoàn cơ sở, công đoàn ngành cần phải hoạt động độc lập có hiệu quả, không phụ thuộc vào người sử dụng lao động; thực hiện được chức năng bảo vệ và đại diện quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của NLĐ; quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp; ngăn chặn kịp thời những vi phạm của doanh nghiệp.

Nguồn: Tạp chí Tài chính

